

ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG*

Mấy vấn đề thời sự cấp bách rút ra từ nông thôn, nông dân, nông nghiệp Hải Hưng

Nghị quyết 10 đã đem lại cho nông thôn Hải Hưng bước tiến rõ rệt trong sản xuất và đời sống. Tổng sản lượng lương thực các năm 1988, 1989, 1990 đều tăng, năm sau cao hơn năm trước; tốc độ tăng sản lượng của từng năm sau khi thực hiện Nghị quyết 10 (NQ 10) đều cao hơn tốc độ tăng bình quân về lương thực của 5 năm 1981- 1985. Chăn nuôi phát triển khá. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn được tăng cường và việc sử dụng chúng có hiệu quả hơn. Đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn được nâng lên một bước. Nhiều hộ có vốn, kinh nghiệm sản xuất đã năng động, mạnh dạn đầu tư cho sản xuất, phát triển ngành nghề, dịch vụ sản xuất nông nghiệp đạt hiệu quả khá, có thu nhập và mức sống cao.

Cơ chế khoán 10, với nội dung lấy hộ làm đơn vị sản xuất kinh doanh, chuyển nền nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa đã giúp chúng ta đánh giá chính xác hơn kết quả hoạt động của các hợp tác xã và các hộ, tạo cho chúng ta cơ sở lý luận và thực tiễn suy nghĩ về hướng đổi "lối đối với kinh tế hợp tác xã, về con đường phát triển kinh tế hộ và việc chuyển nông nghiệp nước ta và nông nghiệp Hải Hưng sang sản xuất hàng hóa.

Hội thảo về "Nông thôn Hải Hưng ; kinh tế - xã hội - chính sách" đã gợi lên cho chúng ta suy nghĩ và tiếp tục nghiên cứu mấy vấn đề thời sự cấp bách mang tính lý luận và thực tiễn về nông thôn, nông dân, nông nghiệp sau đây.

1. Vai trò của hợp tác xã hiện nay và triển vọng của nó.

Vấn đề này có mấy loại ý kiến:

Loại ý kiến thứ nhất cho rằng, thực hiện NQ 10, hộ nông dân là đơn vị kinh tế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của mình, do đó hộ có thể trực tiếp nhận ruộng và thanh toán các khoản với chính quyền thôn hoặc xã. Vì vậy, vai trò hợp tác xã teo dần, tiến tới không cần thiết nữa, mà nên giải thể.

Loại ý kiến thứ hai cho rằng, không thể giải thể hợp tác xã được, mà phải đổi mới nó, chuyển mô hình hợp tác xã kiểu cũ sang hình thức mới vì những lý do sau:

Trong quá trình thực hiện hợp tác hóa ở nông thôn, giai cấp nông dân đã xây dựng được những kết cấu hạ tầng phục vụ cho sản xuất trên một quy mô nhất định. Các công trình đó hiện nay vẫn đáp ứng được yêu cầu sử dụng chung trên quy mô lớn, nên cần sự điều hành, quản lý của tập thể

Các hợp tác xã được xây dựng nên, ngoài chức năng kinh tế còn thực hiện có chức năng xã hội. Trong khi đó, các cấp chính quyền ở nông thôn hiện nay chưa hoàn toàn đảm đương được các chức năng xã hội này. Hơn nữa, giải tán hợp tác xã có thể dẫn đến tình trạng nông dân đói vì ruộng đất cũ, gây mất ổn định ở nông thôn.

- Hiện nay người nông dân sản xuất, trong điều kiện trình độ lực lượng sản xuất còn thấp phụ thuộc rất nhiều vào thiên nhiên, sinh hoạt của họ mang nặng tính cộng đồng vì vậy khi chưa có những thiết chế tập thể mới mà lại xóa bỏ thiết chế cũ thì về mặt tâm lý và tư tưởng lãnh chấp nhận.

Chúng tôi thống nhất với loại ý kiến thứ hai, và cần nhấn mạnh rằng: không xóa bỏ *hợp tác*, nhưng nó cần phải nhanh chóng đổi mới cơ chế quản lý; chuyển mô hình hợp tác tập thể tập trung cũ sang các hình thức hợp tác từng mặt, từng khâu hoặc một số mặt, một số khâu giữa cá nông dân với nhau. Hộ nông dân là đơn vị sản xuất tự chủ, hợp tác bổ sung giúp đỡ cho sản xuất, kinh doanh của hộ và điều hành dịch vụ nông nghiệp.

Loại ý kiến thứ ba cho rằng, ở Hải Hưng có giải thể hợp tác xã và có cả đổi mới, củng cố hợp tác xã Bởi vì,

*. Phó tiến sĩ, Phó giám đốc Học viện Nguyễn Ái Quốc

trên quy mô toàn tỉnh, xét về tính chất hoạt động và thực hiện vai trò quản lý kinh tế, có ích các hợp tác xã ở những mức độ khác nhau:

Mức thứ nhất, các hợp tác xã mức khá, chiếm 30%. Ở đây ở vốn, quỹ còn lớn, hợp tác xã đảm đương được cả đầu vào và đầu ra của sản xuất cho hộ nông dân. Đối với loại này, cần tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, giữ vững quy mô, vươn lên thực hiện kinh doanh tổng hợp.

- Mức hai, các hợp tác xã trung bình, chiếm 50%. loại Lầy vốn, quỹ còn ít, hoạt động quản lý điều hành, còn để khê đọng sản phẩm, chưa làm dịch vụ được nhiều cho sản xuất nông nghiệp. Các hợp tác xã này cần được giúp đỡ để thu hồi vốn, quỹ và tạo điều kiện thuận lợi cho việc dịch vụ đầu vào, đầu ra cho sản xuất.

Mức thứ ba, các hợp tác xã yếu kém, chiếm khoảng 20%. Các hợp tác xã này không còn vốn, quỹ, thậm chí còn nợ Nhà nước, quản lý điều hành yếu kém. Đối với các hợp tác xã này, nên giải thể. Trường thôn điều hành công việc và thu các khoản phí khác.

Về vấn đề này, qua theo dõi quá trình đổi mới quản lý nông nghiệp trong 10 năm lại đây, qua thực tế sản xuất, kinh doanh nông nghiệp trong 3 năm qua khi hộ nông dân được xác định là đơn vị kinh tế tự chủ, nông nghiệp chuyển sang sản xuất hàng hóa và thực hiện đổi mới mọi mặt ở nông thôn theo NQ 10, thì điều khẳng định hợp tác xã là một thực thể kinh tế, là người trợ giúp cho kinh tế hộ ở nông thôn là hoàn toàn đúng đắn. Thực tế phát triển nông nghiệp hiện nay đang đòi hỏi các nhà nghiên cứu, các nhà chỉ đạo thực tiễn có những công trình nghiên cứu, những lời giải về đổi mới cơ chế quản lý, đổi mới chức năng, nhiệm vụ, đa dạng hóa hình thức: quy mô, phương thức hoạt động của các hợp tác xã. Chúng tôi cho rằng, việc xác định hộ nông dân là đơn vị kinh tế tự chủ kinh doanh, xác định đổi mới hợp tác xã, chuyển nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa là hệ vấn đề thống nhất hữu cơ. ở nông thôn Hải Hưng và nông thôn nước ta hiện nay, đổi mới hợp tác xã, củng cố và hoàn thiện kinh tế hộ trong điều kiện chuyển nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa, xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa mang tính áp bách cả trên phương diện thực tiễn và lý luận.

2. Kinh tế hộ nông dân.

Theo NQ 10, hộ nông dân là đơn vị kinh tế tự chủ, là tế bào kinh tế ở nông thôn, với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất hiện nay, quy mô và hình thức hộ gia đình đang phù hợp với Sự phát triển kinh tế ở nông thôn. Nhưng trong quá trình phát triển của nó, đã nảy sinh những vấn đề cần phải giải quyết. Do chênh lệch về điều kiện sản xuất, về tiếp thu cơ chế quản lý mới và áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật, nên hiệu quả sản xuất kinh doanh của các hộ khác nhau. Do vậy, ở nông thôn phân hóa giàu nghèo là khó tránh khỏi. Chấp nhận tất yếu đó, nhưng chúng ta cần có những chính sách, biện pháp kinh tế, xã hội sát hợp, cụ thể giúp cho người nghèo đảm bảo cuộc sống và ngày một giàu lên. Để làm được điều đó, cần phân loại hộ theo các điều kiện của sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, theo khả năng nắm bắt và áp dụng các thành tựu khoa học - kỹ thuật nông nghiệp. Từ đó có chính sách giúp đỡ cho những người có thu nhập thấp, nghèo khó, nhất là những hộ thuộc diện chính sách xã hội, có được những điều kiện sản xuất kinh doanh, áp dụng khoa học - kỹ thuật để phát triển sản xuất, từng bước đảm bảo và nâng cao thu nhập, mức sống cho mình.

Có ý kiến cho là, hiện nay và trong tương lai, kinh tế hộ vẫn là mô hình kinh tế phù hợp với sự phát triển nông nghiệp nước ta và cả Hải Hưng. Vì vậy, Trung ương và tỉnh cần có những chính sách đồng bộ cả về kinh tế, chính trị, xã hội đảm bảo cho kinh tế hộ phát triển, mở rộng quy mô theo hướng hình thành các nông trại. Chúng ta cũng cần thấy rằng, hình thức kinh tế hộ đang thực hiện hiện nay là phù hợp. Nhưng từ kinh tế hộ đến kinh tế nông trại có hình thức trung gian nào nữa không? Hiện nay; sản xuất ở nông thôn đang do các hộ tự chủ thực hiện, đồng thời do yêu cầu của sản xuất nông nghiệp, các hộ còn có nhu cầu hợp tác từng khâu hoặc nhiều khâu với nhau trên cơ sở tự nguyện, cùng có lợi. Do vậy, vấn đề được đặt ra để tiếp tục nghiên cứu là phải chăng con đường phát triển của hộ là hộ kết hợp với từng khâu hoặc nhi(u khâu của kinh tế hợp tác rồi mới đôn hình thức nông trại với quy mô và các hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp trong sự thống nhất quan hệ hữu cơ giữa kinh tế hộ - nông trại - hợp tác xã như đã nêu ở trên?

3. Quyền sở hữu và sử dụng ruộng đất.

Vấn đề được nêu ra ở Hội thảo về nông thôn Hải Hưng mang một sắc thái riêng. Đó là có sự thống nhất và nhất trí cao trong việc xác định quyền sở hữu ruộng đất thuộc toàn dân và giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho hộ nông dân; nhất trí cần tập trung ruộng đất, chống hiện tượng chia cắt manh mún, phân tán đất đai. Nhưng đi vào chi tiết cụ thể là thời hạn giao đất cho nông dân sử dụng là bao nhiêu năm: các ý kiến còn rất dè dặt. Có đại biểu chỉ nêu kinh nghiệm của nước ngoài. Đây là vấn đề hết sức phức tạp và khó khăn trên phương diện thực tiễn. Từ khía cạnh tâm lý, tình cảm và kinh tế, người nông dân nào cũng muốn có đủ đất để sử dụng ổn định, có hiệu quả, đảm bảo cho cuộc sống. ở Hải Hưng, đất chật người đông, bình quân diện tích canh tác chỉ 600 m² cho một người, trong khi đó tỷ lệ sinh còn cao. ở những địa bàn thuần nông, đất ít, khả năng thâm canh cao, người ta không muốn chia lại ruộng đất và ổn định quyền sử dụng lâu dài trong thời gian từ 15 năm trở lên. Vì vậy, về thời gian giao quyền sử dụng ruộng đất cố hữu vấn đề cụ thể cần tiếp tục nghiên cứu sâu hơn. Thực chất của việc giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho hộ nông dân nhằm mục đích cơ bản là để người nông dân yên tâm đầu tư sử dụng có hiệu quả ruộng đất, để cố thể tập trung ruộng đất vào tay những người kinh doanh giỏi, người nông dân được quyền chuyển nhượng, thừa kế, thế chấp ruộng đất do mình được sử dụng khi có điều kiện. Điều này là đúng và nó sẽ được thực hiện, nhưng tính chất và quy mô thực hiện của nó không phải là như nhau ở tất cả các địa phương, địa bàn. ở Hải Hưng cũng vậy. Bởi thế, việc xem xét, định thời gian giao quyền sử dụng đất cho hộ nông dân phải thật cụ thể đối với từng vùng, từng khu vực của tỉnh. Ví dụ ở những huyện bình quân đất canh tác cho một người dưới mức bình quân của tỉnh là 600 m² trình độ thâm canh của nông dân cao, hệ thống kênh, mương, trạm bơm, hệ thống bờ đập, bờ vùng tương đối hoàn chỉnh, thì yếu tố giao quyền sử dụng lâu dài để nông dân yên tâm đầu tư xây dựng, cải tạo đồng ruộng nên đặt ở mức nào cho vừa phải. ở những huyện này, nổi lên có lẽ là đầu tư để thâm canh năng suất cây trồng. Còn việc tập trung ruộng đất ở đây dưới dạng chuyển nhượng, thế chấp sẽ rất ít xảy ra, vì đất cố ít, người đông và ngành nghề trong nông thôn lại chưa phát triển. Vì những điều kiện sản xuất trên đồng ruộng ở đây tương đối hoàn chỉnh, nên đã có những hình thức chống hiện tượng manh mún đất đai, tập trung ruộng đất bằng cách các hộ nông dân tự giác chuyển đổi diện tích cho nhau. Thiết nghĩ đây cũng là hiện tượng gọi cho chúng ta tiếp tục suy nghĩ sâu hơn. Đối với những nơi có ruộng đất loại này, thời gian giao quyền sử dụng cho hộ nông dân cố thể chỉ từ 7 năm đến 12 năm. Thời gian giao quyền này ngắn hơn thời hạn giao quyền sử dụng các loại ruộng đất là ao hồ, đầm lầy, bãi thụt hay đất xấu hoang hóa lâu ngày cần phải đầu tư vốn liếng để cải tạo nâng cấp và cần có xây dựng những kết cấu hạ tầng cho sản xuất. ở đây, yếu tố thời gian cần tính đến việc thu hồi vốn và lãi của hộ nông dân phải bỏ ra. Do đó có thể giao quyền sử dụng loại đất đó cho hộ nông dân trong thời gian từ 20 đến 30 năm. Riêng các vùng đồi núi, thời gian giao quyền sử dụng nên tính theo chu kỳ sinh trưởng của cây lưu niên. Do đó thời gian có thể vượt quá 30 năm. Như vậy, việc định thời gian giao quyền sử dụng ruộng đất cho nông dân cần phải xem xét thật cụ thể và luôn luôn chú ý tới việc sử dụng có hiệu quả ruộng đất và bảo đảm lợi ích cho nông dân.

4. Hệ thống chính trị ở nông thôn.

Về vấn đề này, trong Hội thảo đã có ý kiến nêu lên cần quan tâm đến việc tìm hiểu những thiết chế chính trị - xã hội truyền thống ở nông thôn nước ta và nông thôn Hải Hưng quan tâm khai thác những mặt tích cực của các thiết chế đó phục vụ cho đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, đổi mới hoạt động của các đoàn thể quần chúng ở nông thôn. Có thể thống nhất với nhau là mối quan hệ nhà-hộ hàng-làng-nước, tính ổn định, tính độc lập tương đối của từng thiết chế đó, vai trò của chúng trong việc điều chỉnh các mối quan hệ xã hội và quản lý xã hội ở nông thôn là những vấn đề cần được khai thác. Đồng thời cũng phải thận trọng trong việc xem xét và ứng xử với những mặt tiêu cực, không còn phù hợp với tính hiện tại của những thiết chế đó, không để chúng làm tăng thêm những khó khăn cho công cuộc đổi mới về kinh tế, chính trị ở nông thôn. Hiện nay, chức danh trưởng thôn và đơn vị hành chính thôn đang được xác lập và định hình vai trò, chức năng của mình. Hy vọng sau này có thêm những nghiên cứu về vấn đề mới mẻ này.

6. Đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ.

Từ các kết quả điều tra xã hội học về đội ngũ cán bộ ở cơ sở Hải Hưng và các nghiên cứu khác Hội thảo khẳng định rằng: trước những chuyển biến mọi mặt ở nông thôn, trước những yêu cầu của công cuộc đổi mới, đội ngũ cán bộ cơ sở của nông thôn Hải Hưng đang phải nỗ lực rất cao, khắc phục nhiều khó khăn có lúc gay gắt cả trong cuộc sống hàng ngày của bản thân và gia đình, cả những khó khăn khách quan khác để hoàn thành nhiệm vụ trước Đảng, trước dân. Những chỉ báo xã hội học về uy tín của cán bộ lãnh đạo ở cơ sở, những thay đổi tích cực về mọi mặt ở nông thôn đã cho căn cứ để rút ra kết luận không nên dùng thuật ngữ "những cường hào mới" ở nông thôn Hải Hưng. So sánh nhiều chỉ tiêu của đội ngũ cán bộ cơ sở ở Hải Hưng với đội ngũ cán bộ cơ sở của toàn quốc, chúng ta thấy được là, ở Hải Hưng cần quan tâm hơn nữa đến việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ trẻ cho cơ sở, chuẩn bị chu đáo nguồn bổ sung, chú ý tới nguồn là cán bộ nữ...; tình cùng các cấp có trách nhiệm chuẩn bị chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ và tình hình thực tế của địa phương. Thực tế khối lượng công việc mà cán bộ cơ sở phải đảm đương và số lượng đông đảo của họ cho phép khẳng định rằng lãnh đạo chính trị, xã hội ở cơ sở cũng là một nghề. Như vậy, ở nông thôn đang hình thành một tập đoàn xã hội nghề nghiệp trong cơ cấu xã hội của mình. Vì vậy cần có những chế độ, chính sách của Nhà nước đối với cán bộ cơ sở về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, đãi ngộ vật chất...

8. Vấn đề văn hóa - xã hội ở nông thôn.

Thực tế phát triển đất nước, phát triển của dân tộc ta cho thấy không thể chỉ quan tâm nhiều tới những vấn đề kinh tế, chính trị - xã hội đã là đủ. Tình trạng đời sống văn hóa cơ sở ở nông thôn Hải Hưng hiện nay cũng cho thấy biết bao vấn đề cần suy nghĩ xem xét, giải quyết để cho sự nghiệp phát triển văn hóa thực sự góp phần xây dựng nông thôn mới. Có ý kiến cho rằng cần xem lại việc quy định những thiết chế mà hoạt động của chúng được coi là thước đo đời sống văn hóa ở cơ sở nông thôn hiện nay. Sáu mặt hoạt động (hay thiết chế) văn hóa ở cơ sở hiện nay là: nếp sống văn minh, gia đình văn hóa; thông tin cổ động; văn nghệ quần chúng; thư viện và phong trào đọc sách báo; câu lạc bộ, nhà văn hóa; nhà bảo tàng và giáo dục truyền thống. Phải chăng những thiết chế đó chỉ phù hợp và tồn tại được trong điều kiện kinh tế bao cấp? Hơn nữa, chúng đòi hỏi phải có cơ sở là một nền kinh tế phát triển, một đời sống nông thôn mới, mang tính công nghiệp mới hoạt động tốt được. Nông thôn nước ta nói chung, nông thôn Hải Hưng nói riêng, đang từng bước chuyển hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh và nền kinh tế nói chung chưa phát triển, nên việc quy định các thiết chế đặc trưng cho bộ mặt văn hóa cơ sở cần được xác định cho phù hợp. Từ đó chúng ta mới có căn cứ để định ra phương hướng phát triển văn hóa - xã hội ở cơ sở nông thôn trong một thời gian dài, đáp ứng chiến lược phát triển nông thôn nói chung.

7. Một số thốn nghi chung.

Ngoài những vấn đề nêu trên, Hội thảo "Nông thôn Hải Hưng..." đã góp tiếng nói nêu một số kiến nghị chung:

. Nhà nước thực hiện triệt để hơn nữa chủ trương coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu. Cụ thể là ưu tiên đầu tư cho nông nghiệp cao hơn bình quân đầu tư trong những năm 1985 - 1990. Tập trung đầu tư vào các lĩnh vực phân bón vô cơ, thuốc phòng trừ sâu bệnh, thuốc chữa bệnh cho gia súc; vào xây dựng các kết cấu hạ tầng cho sản xuất nông nghiệp như hệ thống trạm và đường dây điện, hệ thống giao thông nội đồng và liên thôn, xã.

Nhà nước ổn định giá cả đầu vào và đầu ra của sản xuất nông nghiệp. Thực hiện hợp đồng trong mua bán, trao đổi sản phẩm, vật tư giữa Nhà nước và nông dân, tuân theo nguyên tắc đảm bảo lợi ích đúng đắn cho cả Nhà nước và nông dân.

- Giúp đỡ các hộ gặp khó khăn trong sản xuất, nghèo túng trong sinh hoạt là công việc bức xúc của toàn xã hội. Các cấp chính quyền, tổ chức kinh tế, các đoàn thể quần chúng cần nghiên cứu sâu sát các hộ này để giúp họ một cách cụ thể, thiết thực, hiệu quả để trước hết họ ổn định sản xuất, từ đó ổn định thu nhập, đời sống.

Nhà nước trung ương và chính quyền địa phương cần có những chính sách và biện pháp tích cực để sử dụng lao động dôi dư ở nông thôn. Trước tiên, là mở rộng các hoạt động dịch vụ cho sản xuất và dịch vụ lưu thông, chế biến nông sản, đầu tư thêm các yếu tố thâm canh để thu hút lao động tại chỗ. Chú ý và sử dụng một cách thiết thực, hiệu quả biện pháp đưa dân đi vùng kinh tế mới.

- Có chính sách thích hợp đối với đội ngũ cán bộ tại cơ sở thôn xã. Có quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng về lý luận và nghiệp vụ cho các chức danh chủ chốt và chủ yếu tại cơ sở thôn, xã. Động viên họ đóng góp sức mình vào sự nghiệp đổi mới nông thôn, nông nghiệp và nông dân nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.